TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 279/2025/HNGĐ-ST. Ngày 29 – 12 – 2025. V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trực.

Bà Nguyễn Trường Hận.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2025/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh TSAI, MING - TSUNG, sinh ngày 14/01/1981. Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan). Hộ chiếu số: 360499447, Đài Loan cấp ngày 26/5/2022.

Địa chỉ: Số E, hẻm T, lộ T, khóm C, phường D, khu T, thành phố T, Đài Loan. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh ngày 01/5/2005. Quốc tịch: Việt Nam. Căn cước công dân số: 093305001765, cấp ngày 26/4/2021 tại Bộ C.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh TSAI, MING - TSUNG trình bày: Qua mai mối, anh và chị Lê Thị H quen nhau, tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ), Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2024, giấy chứng nhận kết hôn số 200. Sau khi kết hôn, anh trở về Đài Loan sinh sống, vợ là chị Lê Thị H ở lại Việt Nam. Ban đầu, vợ chồng cảm thấy hòa hợp. Tuy nhiên, sau này vợ chồng

thường xuyên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn do quan điểm, tính cách, công việc khác nhau, ngôn ngữ bất đồng, mâu thuẫn mỗi ngày càng nghiêm trọng và anh quyết định không về Việt Nam nữa. Từ đó đến nay anh và chị Lê Thị H không còn liên lạc với nhau thông qua thư từ hoặc điện thoại. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T, MING - TSUNG vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản tự khai gửi Tòa án ngày 12/12/2025 bị đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh T, MING - TSUNG quen biết và quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2024 như anh T, MING - TSUNG đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, khác nhau về quan điểm, tính tình, công việc, bất đồng ngôn ngữ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục và tình cảm không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh T, MING - TSUNG.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Lê Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh TSAI, MING - TSUNG khởi kiện chị Lê Thị H để yêu cầu giải quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Điều 28 và Điều 464 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là chị Lê Thị H có nơi cư trú tại xã V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh TSAI, MING - TSUNG và chị Lê Thị H chung sống với nhau vào năm 2024 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo

quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn được mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng đã tạo điều kiện hoà giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng hai bên đều không đồng ý tiến hành hòa giải nên không hòa giải được. Hiện nay cả hai bên đều đồng ý ly hôn với nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh T, MING - TSUNG được ly hôn với chị Lê Thị H.

[4] *Về con chung*: Các bên đều khai thống nhất là không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5] *Về tài sản chung:* Các bên đều khai thống nhất không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Các bên đều khai thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn:* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh T, MING - TSUNG phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 91, 147, 228, 464, 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56 và Điều 122 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh TSAI, MING - TSUNG được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc anh T, MING - TSUNG phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh TSAI, MING - TSUNG đã nộp theo biên lai số 0008552 ngày 04/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – C thành án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Như Nguyện